TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:107/2021/DS-ST
Ngày: 16/4/2021.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng giao khoán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Hồng Trường.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Ngô Văn Tuyển.

2/. Ông Nông Thanh Tuỳ.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Bình.

Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 214/2020/TLST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2020. Về việc "Tranh chấp hợp đồng giao khoán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2021/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 3 năm 2021.

Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Bà Cù Thị T. Sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Thôn 19/5, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Bà T có mặt).

2. **Bị đơn**: Công ty cổ phần cà phê H.

Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2.1 **Người đại diện theo pháp luật của bị đơn**: Ông Đỗ Hoàng P.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

2.2 **Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn**: Ông Phạm Đình B.

Chức vụ: Kiểm soát viên Công ty cổ phần cà phê H.

Địa chỉ: Số 65 đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Theo văn bản ủy quyền số số 140/GUQ, ngày 03 tháng 7 năm 2020). Ông B có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Cù Thị T, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Cù Thị T trình bày:

Vào ngày 10/10/2016 tôi có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê H, nay là (Công ty cổ phần cà phê H), theo hợp đồng số 51/2016/HĐ-GK. Theo đó tôi nhận khoán của Công ty cổ phần cà phê H thửa đất có diện tích 9.500m^2, trên đất có trồng khoảng 1.100 cây cà phế vối, trồng năm 2013, tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 21, địa điểm đất nhận giao khoán thuộc đội NT3 quản lý, thuộc thôn 19/5, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Hai bên thống nhất xác định nguyên giá vườn cây là 135.530.411 đồng, giá trị vườn cây tại thời điểm ký hợp đồng còn lại là 135.530.411 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ (tôi T) góp 49%. Thời hạn giao khoán là 15 năm, tính từ ngày ký kết hợp đồng là ngày 10/10/2016 đến ngày 10/10/2031.

Về mức giao khoán: Định kỳ vào mùa thu hoạch tôi phải có trách nhiệm giao nộp sản lượng cà phê quả tươi cho Công ty cổ phần cà phê H hàng năm cụ thể như sau:

Niên vụ thu hoạch năm 2016 - 2017 giao nộp 1.513kg

Niên vụ thu hoạch năm 2017 - 2018 giao nộp 1.945 kg

Niên vụ thu hoạch năm 2018 - 2019 giao nộp 2.377 kg

Niên vụ thu hoạch năm 2019 - 2029 giao nộp 3.026 kg

Từ niên vụ năm 2029 trở đi sản lượng cà phê quả tươi hàng năm tôi phải giao nộp cho Công ty là 2.377 kg cho đến khi hết hợp đồng.

Chất lượng cà phê quả tươi mà tôi giao nộp cho Công ty theo từng niên vụ hàng năm phải đạt tiêu chuẩn đó là: Tỷ lệ quả chín ≥ 85%; Tỷ lệ quả vàng ≤ 12%; Tỷ lệ quả xanh ≤ 3%; Tạp chất trong sản phẩm ≤ 0,5%. Sản lượng giao nộp phải khô ráo, nếu gặp mưa Công ty sẽ tính tỷ lệ để khấu trừ.

Tôi ký hợp đồng nhận khoán với Công ty là hoàn toàn tự nguyện, sau khi ký hợp đồng mọi việc diễn ra bình thường, tôi không có ý kiến gì đối với Công ty về các nội dung trong hợp đồng. Kể từ niên vụ 2017 - 2018 tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cà phê cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi hàng năm cho Công ty theo hợp đồng, niên vụ 2018 - 2019 đến nay tôi và các hộ dân nhận khoán phát hiện Công ty đã có sự gian lận trong quy trình tính toán về chi phí nhân công, số lượng cà phê quả tươi quy nhân và thuỷ lợi phí không đúng theo tỉ lệ 49% - 51% như hợp đồng giao khoán để đem hết lợi nhuận cho Công ty nên tôi chưa nộp sản lượng cà phê cho Công ty, đồng thời tôi làm đơn khởi kiện Công ty để yêu cầu Toà án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc:

1. Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công trong 07 năm (2011- 2017) là: 86.954.753,2 đồng.

2. Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận trong 07 năm (2011- 2017) là: 24.304.000 đồng.

3. Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số tiền thủy lợi phí trong thời gian 20 năm (1998 - 2018) là 5.100.000 đồng.

Tổng cộng tôi yêu cầu Công ty cổ phần cà phê H phải trả cho tôi số tiền là 116.358.753,2 đồng (Một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Do trong đơn khởi kiện của tôi có sự nhầm lẫn nên tôi đã yêu cầu Công ty cổ phần cà phê H phải trả cho tôi tổng số tiền là 116.358.753,2 đồng, cụ thể: Tôi phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) là 86.954.753,2 đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận 12.422.107,6 đồng/1ha); Công ty đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi quy nhân cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) là 3.038kg cà phê quả tươi, với giá 8.000 đồng/1kg, quy thành tiền là 24.304.000 đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận 434kg cà phê quả tươi, với giá 8.000 đồng/1kg, quy thành tiền là 3.472.000 đồng/1năm); Công ty đã thu sai tiền thủy lợi phí của tôi đối với phần 51% cho diện tích 01ha trong thời gian 20 năm (1998-2018) với số tiền là 5.100.000 đồng (Bình quân một năm Công ty thu sai 255.000 đồng/1ha) mà lẽ ra Công ty không được thu khoản tiền này.

Tôi làm đơn khởi kiện Công ty dựa trên mức tính bình quân của 01 héc ta được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt vào năm 2011. Nhưng thực tế tôi ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với Công ty vào ngày 10/10/2016, mặt khác phần diện tích đất mà tôi nhận khoán của Công ty chỉ có 9.500m^2 nhưng tôi làm đơn khởi kiện diện tích đất nhận khoán là 1ha và về thuỷ lợi phí là do tôi tự đào giếng tưới nước cho toàn bộ diện tích đất trồng cà phê mà tôi nhận khoán với Công ty chứ không phải tôi tưới nước kênh mương, hồ đập của Công ty như trong đơn khởi kiện của tôi đã nêu. Tôi tự đào giếng tưới nước thì mỗi năm Công ty phải thanh toán lại cho tôi số tiền tôi bỏ ra chi phí cho việc tưới nước của phần 51% là 918.000 đồng/1ha.

Tại phiên tòa hôm nay tôi xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện của tôi đối với tổng số tiền 111.258.753,2 đồng (Trong đó tiền chi phí nhân công là 86.954.753,2 đồng, khoản tiền về số lượng cà phê quả tươi quy nhân và quy thành tiền là 24.304.000 đồng). Tôi không yêu cầu Hội đồng xét xử cập giải quyết.

Về khoản tiền thủy lợi phí: Tôi chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết để buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại cho tôi số tiền thủy lợi phí đào giếng tưới nước trong thời gian 02 năm (2016 -2018) là 1.744.200 đồng, cụ thể: (918.000 đồng/1ha/1năm x 02 năm = 1.836.000 đồng)

(1.836.000 đồng : 10.000m^2 = 183,6 đồng/1m^2) x 9.500m^2 = 1.744.200 đồng.

Tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của tôi về khoản tiền thủy lợi phí với số tiền 3.355.800 đồng. Trong quá trình nhận khoán giữa tôi và Công ty không có thoả thuận nào về việc tôi tự đào giếng tưới nước thì hàng năm Công ty phải thanh toán lại cho tôi số tiền chi phí tưới nước của phần 51% mỗi năm là 918.000 đồng/1ha, vì vậy tôi không có chứng cứ nào để chứng minh về khoản tiền thuỷ lợi

phí đối với số tiền 1.744.200 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Công ty cổ phần cà phê H là ông Phạm Đình B trình bày:

Công ty cổ phần cà phê H (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê H) thừa nhận việc Công ty với bà Cù Thị T có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên theo hợp đồng số 51/2016/HĐ-GK, ngày 10/10/2016. Hai bên thỏa thuận về diện tích đất trồng cà phê giao khoán, thời hạn giao khoán, sản phẩm và chất lượng sản phẩm giao nộp như lời trình bày của bà T là hoàn toàn đúng sự thật.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, bà T đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cho Công ty theo hợp đồng. Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 cho đến nay bà T đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong hợp đồng, là vi phạm hợp đồng nhưng Công ty chưa tiến hành khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Cù Thị T xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện thì Công ty cổ phần cà phê H không có ý kiến gì. Còn đối với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số tiền thủy lợi phí đào giếng tưới nước trong thời gian 02 năm (2016-2018) với số tiền 1.744.200 đồng thì Công ty cổ phần cà phê H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, vì: Công đoạn tưới nước là một công đoạn chủ yếu của việc sản xuất kinh doanh cây cà phê, do đó, về công lao động đã được tính vào chi phí sản xuất trên 01ha cà phê. Tại trang 9, 10 của Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt đã ghi rõ các khoản mục trong cấu thành giá thành sản xuất "Tiền khấu hao hồ đập kênh mương là 500.000 đồng/ha/năm, trong đó phần 51% là 255.000 đồng/ha/năm" vào giá thành (Khấu trừ ăn chia sản phẩm). Đồng thời, tại mục 1 Điều 1 của hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với Công ty thì "Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê...". Như vậy, mặc dù trong hợp đồng giao khoán hai bên chỉ đề cập đối với hệ thống hồ đập, kênh mương không đề cập đến việc tưới giếng, nhưng thực chất Công ty đã trả 255.000 đồng/ha/năm là hoàn toàn công bằng giữa người tưới mương và tưới giếng. Mặt khác, theo thông báo số 61/UB-VPUBND ngày 08/4/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có nêu: "…việc đào giếng tưới và sử dụng giếng tưới cho vườn cây nhận khoán là của người dân, nhà nước không chi trả". Do đó, Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của bà T.

Qua quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Cù Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện của mình về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số tiền thủy lợi phí đào giếng tưới nước trong thời gian 02 năm (2016-2018) với số tiền 1.744.200 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Công ty cổ phần cà phê H là ông Phạm Đình B không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Luật đất đai năm 2003. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị T về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại tiền thủy lợi phí đào giếng tưới nước trong thời gian 02 năm (2016-2018) là: 1.744.200 đồng. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị T về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả số tiền 114.614.553,2 đồng (Một trăm mười bốn triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, năm trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Bà Cù Thị T được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của bà Cù Thị T đề ngày 10/6/2020 Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng giao khoán" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty cổ phần cà phê H có trụ sở và địa chỉ tại xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và được các bên thừa nhận, Hội đồng xét xử nhận định: Vào ngày 10/10/2016 bà Cù Thị T và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê H, nay là (Công ty cổ phần cà phê H) có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên, theo hợp đồng số 51/2016/HĐ-GK. Đây là hợp đồng song vụ có thời hạn. Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật. Kể từ khi ký kết hợp đồng giao khoán cho đến hết niên vụ 2017-2018

bà T đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cà phê cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cho Công ty theo hợp đồng, không có tranh chấp và đã được các bên đương sự thừa nhận. Do đó, xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cù Thị T về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại cho bà T khoản tiền chi phí đào giếng tưới nước trong thời gian 02 năm (2016-2018) là: 1.744.200 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Tại Điều 1, 2 của hợp đồng khoán gọn có nêu: "Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê"; "Khi vào vụ tưới nước cho cà phê, Công ty mở nước cho bên B tưới với diện tích tưới mương. Diện tích tưới mương Công ty sẽ thu tiền khấu hao hồ đập kênh mương theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm". Tại trang 9, 10 Bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt đã ghi rõ, trường hợp gia đình tưới nước từ kênh mương của Công ty thì phải trả lại tiền khấu hao kênh mương, thủy lợi cho Công ty phần 49% là 245.000đồng/ha/năm, trong phần tính toán chi phí đầu tư để khấu trừ Công ty đã trả 255.000đồng/ha/năm (Khấu hao kênh mương phần 51%) cho người nhận khoán. Như vậy, căn cứ vào bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phê duyệt và hợp đồng mà bà T đã ký với Công ty thì, khi ký kết hợp đồng hai bên không đề cập đến thủy lợi phí là đào giếng tưới, các bên chỉ đề cập tới khấu hao hồ đập, kênh mương. Đồng thời, tại Thông báo số 61/UB-VPUBND, ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có nêu: "…việc đào giếng tưới và sử dụng giếng tưới cho vườn cây nhận khoán là của người dân, nhà nước không chi trả". Mặt khác, tại thời điểm ký kết và trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà T không có ý kiến gì với Công ty về việc tưới giếng đối với vườn cây nhận khoán, bà T không có bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện về khoản tiền thủy lợi phí như đã nêu trên. Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503 và 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003; Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn bà Cù Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Cù Thị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện khởi kiện buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại tiền chi phí nhân công cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) với số tiền 86.954.753,2 đồng, số lượng cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) với số tiền 24.304.000 đồng và một phần tiền thủy lợi phí cho diện tích 01ha trong thời gian 20 năm (1998-2018) với số tiền 3.355.800 đồng. Tổng cộng là 114.614.553,2 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn bà Cù Thị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn

cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bà Cù Thị T được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cù Thị T đối với số tiền 1.744.200 đồng không được chấp nhận nên bà T phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 2.908.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Cù Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Theo biên lai thu số AA/2019/0009833, ngày 30/6/2020.

Hoàn trả lại cho bà Cù Thị T số tiền 2.608.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm lẽ tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN, ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị T về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại tiền thủy lợi phí về chi phí đào giếng tưới nước cho diện tích 9.500m^2 đất giao khoán trong thời gian 02 năm (2016-2018) với số tiền 1.744.200 đồng (Một triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, hai trăm đồng).

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị T về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại tiền chi phí nhân công cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) với số tiền 86.954.753,2 đồng, số lượng cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) với số tiền 24.304.000 đồng và một phần tiền thủy lợi phí cho diện tích 01ha trong thời gian 20

năm (1998-2018) với số tiền 3.355.800 đồng. Tổng cộng là 114.614.553,2 đồng (Một trăm mười bốn triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, năm trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Bà Cù Thị T được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- **Về án phí**: Nguyên đơn bà Cù Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 2.908.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Cù Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Theo biên lai thu số AA/2019/0009833, ngày 30/6/2020.

Hoàn trả lại cho bà Cù Thị T số tiền 2.608.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm lẽ tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp.

- **Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn bà Cù Thị T, bị đơn Công ty cổ phần cà phê H, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn là ông Phạm Đình B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện Krông Pắc.
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Hồng Trường